

Số: **150**/SGD&ĐT-GDTrH, KT&KĐCLGD

Nghệ An, ngày **28** tháng 01 năm 2019

V/v ban hành cấu trúc đề thi HSG
cấp tỉnh lớp 11, năm học 2018-2019

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường trung học phổ thông;
- Hiệu trưởng Trung học phổ thông chuyên Đại học Vinh.

Để thực hiện tốt kỳ thi học sinh giỏi tỉnh lớp 11 cấp THPT năm học 2018 - 2019, Sở Giáo dục và Đào tạo quy định cấu trúc đề thi như sau:

I. Những quy định chung

1. Hình thức đề thi: Tự luận

2. Nội dung thi: Thuộc phạm vi chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT do Bộ GD&ĐT ban hành, tập trung chủ yếu ở chương trình lớp 11. Các nội dung được hướng dẫn “không dạy” theo Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo không được sử dụng để ra đề thi.

3. Thời gian làm bài: 150 phút.

4. Thang điểm: 20,0 điểm.

5. Mức độ yêu cầu và phân bố điểm:

- Đề thi yêu cầu có đủ 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.
- Phân bố điểm cho các mức độ trong đề thi các bảng như sau:

Bảng A:

Nhận biết và thông hiểu: 20% - 40% tổng số điểm.

Vận dụng và vận dụng cao: 60% - 80% tổng số điểm.

Bảng B:

Nhận biết và thông hiểu: 40% - 60% tổng số điểm.

Vận dụng và vận dụng cao: 40% - 60% tổng số điểm.

II. Quy định cụ thể của các môn thi

1. Môn Ngữ Văn

1.1. Chương trình thi

- Chủ yếu chương trình Ngữ văn 11 THPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Cụ thể: toàn bộ chương trình Ngữ văn học kỳ 1 lớp 11 và đến hết phần thơ Việt Nam 1930 - 1945 trong chương trình Ngữ văn học kỳ 2 lớp 11 (phần văn học đến bài Từ ấy, tiếng Việt đến bài Nghĩa của câu, Làm văn đến bài Thao tác lập luận bác bỏ, tức hết tuần 25 theo khung PPCT Ngữ văn lớp 11 của Bộ GD&ĐT).

- Không thi chương trình đọc thêm, tự học có hướng dẫn, văn học nước ngoài.

1.2. Cấu trúc đề thi

Đề thi môn Ngữ văn gồm hai phần

- Đọc hiểu (4,0 điểm)

Hình thức văn bản:

Sử dụng một trong ba loại văn bản/đoạn trích (văn bản văn học, văn bản nghị luận hoặc văn bản thông tin) có độ dài từ 50 đến 300 chữ với 4 yêu cầu đánh giá theo 3 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp.

Sử dụng văn bản hoặc đoạn trích ngoài sách giáo khoa Ngữ văn THCS, THPT, có tính tư tưởng sâu sắc, nội dung tích cực, không trái với truyền thống văn hóa, lịch sử, đạo đức và thuần phong mỹ tục Việt Nam; gợi được nhiều cảm xúc thẩm mỹ, có tính nghệ thuật cao, phù hợp với lứa tuổi, trình độ học sinh.

- Làm văn (16,0 điểm)

Câu 1. (6,0 điểm)

Viết bài nghị luận xã hội về: hiện tượng đời sống hoặc nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

Câu 2. (10,0 điểm)

Viết bài nghị luận văn học về: tác phẩm, đoạn trích, nhân vật, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, tác giả, thời kỳ hay giai đoạn văn học, ý kiến bàn về văn học...

2. Môn Lịch sử

2.1. Số câu: 04 (trong mỗi câu có thể có một hoặc nhiều ý nhỏ).

2.2. Khung chương trình

Chương trình biên soạn đề thi gồm 2 phần: Lịch sử Việt Nam và Lịch sử thế giới. Cụ thể:

- Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII.

- Lịch sử thế giới cận đại (từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX - chương trình lịch sử lớp 11) và lịch sử thế giới hiện đại (từ năm 1917 đến năm 1945).

2.3. Tỷ lệ số điểm trong đề thi

- Lịch sử Việt Nam: từ 6,0 - 8,0 điểm.

- Lịch sử thế giới: từ 12,0 - 14,0 điểm.

3. Môn Địa lí

3.1. Giới hạn chương trình: Đến hết bài Nhật Bản - Lớp 11.

3.2. Cấu trúc đề thi

Câu 1. (4,0 điểm): Địa lí Tự nhiên đại cương.

Câu 2. (5,0 điểm): Khái quát về nền Kinh tế - Xã hội thế giới.

Câu 3. (5,0 điểm): Địa lí Khu vực và quốc gia.

Câu 4. (6,0 điểm): Bài tập rèn kĩ năng về bảng số liệu, biểu đồ.

3.3. Lưu ý

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 trở đi.

4. Môn Giáo dục Công dân

4.1. Phạm vi nội dung của đề thi

Lớp 11: Tính đến hết bài 12 “Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường”.

Lớp 10: Từ bài 10 đến bài 16.

Các vấn đề xã hội.

4.2. Cấu trúc đề thi: Từ 4 - 5 câu.

- Chương trình lớp 11: 2 - 3 câu ; tổng điểm: 10,0 (50% số điểm); Trong đó:

+ 3,0 - 4,0 điểm: Nhận biết, thông hiểu các kiến thức đã học của chương trình lớp 11.

+ 6,0 - 7,0 điểm: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn phù hợp nội dung chương trình lớp 11.

- Chương trình lớp 10: 1 - 2 câu; tổng điểm: 5,0 - 6,0 điểm: Vận dụng kiến thức đã học ở chương trình lớp 10 để giải quyết các vấn đề thực tiễn, các tình huống đạo đức (Không ra đề mức độ nhận biết ở chương trình lớp 10).

- Hiểu biết, quan điểm cá nhân về các vấn đề xã hội: 1-2 câu; tổng điểm: 4,0-5,0 điểm.

5. Môn Tiếng Anh

5.1. Giới hạn chương trình

a. Đối với Chương trình tiếng Anh hiện hành (hệ 7 năm): Đến hết *Unit 11. Sources of Energy, Lớp 11.*

b. Đối với Chương trình tiếng Anh mới (hệ 10 năm): Đến hết *Unit 7. Further Education, Lớp 11.*

5.2. Cấu trúc

Cấu trúc đề thi gồm 4 phần, được phân bố như sau:

a. Nghe hiểu

- Độ khó: Bảng A tương đương B2, Bảng B tương đương B1 trên thang CEFR.

- Thời gian: không quá 20 phút, tính từ lúc nhạc dạo báo hiệu đến nhạc báo kết thúc, bao gồm:

+ 1 phút dạo đầu để thí sinh có thời gian đọc nhanh yêu cầu và các câu hỏi;

+ 5 giây nghỉ giữa 2 lần nghe;

+ 1 phút giữa các đoạn để thí sinh đọc nhanh yêu cầu và các câu hỏi;

+ 3 phút trước tín hiệu nhạc kết thúc để thí sinh viết và kiểm tra lại toàn bộ câu trả lời.

- Số đoạn: 02 hoặc 03.

- Số lượt nghe: 02 lần (chỉ dẫn, yêu cầu bằng tiếng Anh).

- Chủ điểm/nội dung: phổ thông (giáo dục, môi trường, tin tức, văn minh - văn hóa, khoa học phổ thông,...).

- Giọng đọc: ưu tiên bản ngữ tiếng Anh (Anh, Mỹ, Australia,...)

- Tốc độ đọc/nói: tự nhiên.

- Hình thức: độc thoại hoặc đối thoại (Số nhân vật tham gia đối thoại tối đa là 3 người).

- Yêu cầu: hiểu được thông tin chính hoặc chi tiết; hiểu thông điệp và thái độ của người nói ở tốc độ bình thường; ghi chép được những thông tin quan trọng khi nghe;...

- Số lượng câu hỏi: 30;

- Loại câu hỏi: kết hợp (nhiều lựa chọn MCQ, điền khuyết, trả lời câu hỏi...)

Tổng số điểm: 50/200

b. Ngữ pháp - Từ vựng

- Thời gian: khoảng 20 phút

- Nội dung/hình thức:

+ Chọn từ/cụm từ phù hợp để hoàn thành câu (câu hỏi nhiều lựa chọn MCQ) để kiểm tra học sinh về những vấn đề: từ pháp (hiểu và sử dụng được động từ theo các quy luật ngữ pháp về thời, thể, thức... biết sử dụng danh từ, đại từ, tính từ, giới từ,... chính xác trong văn cảnh cụ thể), cú pháp (phân biệt và áp dụng được các cấu trúc câu), phương thức cấu tạo từ (nhớ và vận dụng được các phương thức cấu tạo từ cơ bản, nhận biết được dạng thức khác nhau của từ trong văn cảnh cụ thể), chọn từ (word choice/usage: có khả năng chọn từ thích hợp về ngữ nghĩa, sắc thái biểu cảm ở những mức độ cảm nhận khác nhau), tổ hợp từ/cụm từ cố định/động từ hai thành phần hay ngữ động từ (nhận biết và phân biệt được cụm từ tự do với cụm từ cố định/đặc ngữ, sử dụng cụm từ cố định/động từ hai thành phần hay ngữ động từ), đồng nghĩa/trái nghĩa (nhận biết được từ/ngữ cận/trái nghĩa, sử dụng từ/ngữ cận/trái nghĩa trong văn cảnh cụ thể), giao tiếp đơn giản (biết sử dụng từ/ngữ phù hợp để ứng đối một cách thích hợp với phát ngôn thể hiện các chức năng giao tiếp cơ bản như chào hỏi, khen/chê, cầu khiến, đề nghị, mời trong văn hoá bản ngữ tiếng Anh...)

+ Sửa lỗi trong một đoạn văn (đoạn văn khoảng 150 đến 200 từ có lỗi về ngữ pháp, dùng từ, chính tả... Học sinh cần gạch dưới/viết ra những phần bị lỗi trong đoạn văn và đưa ra phương án sửa).

- Số lượng câu: 20

Tổng số điểm: 20/200

c. Đọc hiểu

- Độ khó: Bảng A tương đương B2, Bảng B tương đương B1 trên thang CEFR.

- Thời gian: 50 phút.

- Chủ đề/nội dung: phổ thông (giáo dục, môi trường, văn minh-văn hóa, khoa học phổ thông,...).

- Số đoạn văn:

+ 02 đoạn văn sử dụng cho bài điền khuyết (cloze reading): 01 đoạn Open cloze và 01 đoạn Guided cloze; độ dài: Bảng A: ± 200 từ, Bảng B: ± 150 ; mỗi đoạn 15 chỗ trống.

+ Bảng A: 03 đoạn văn, Bảng B: 02 đoạn văn kiểm tra kỹ năng đọc; độ dài mỗi đoạn: Bảng A: tối thiểu 400 từ, Bảng B: tối thiểu 300 từ. Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu lấy thông tin cụ thể/đại ý, kỹ năng đọc phân tích/đọc phê phán/ tổng hợp/ suy diễn/ẩn ý, kiểm tra kỹ năng đoán và hiểu nghĩa từ mới; nghĩa ngữ cảnh; ví von; hoán dụ; ẩn dụ; tương phản; đồng nghĩa/dị nghĩa;... Hình thức câu hỏi: Kết hợp trong từ đoạn văn hoặc từng đoạn riêng biệt các loại câu hỏi đọc hiểu:

- Đọc trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn (MCQ),
- Đọc chọn đáp án đúng/sai,
- Đọc khớp nối nhan đề/một nhận xét/tóm tắt/... với một đoạn văn,
- Đọc chọn từ trong câu hỏi đa lựa chọn, đọc chọn câu đúng điền vào chỗ trống trong đoạn văn, trả lời câu hỏi (Q&A),...

- Tổng số câu hỏi: Bảng A: 60 câu, Bảng B: 50 câu.

Tổng số điểm: 70/200

d. Viết

- Thời gian: 60 phút
- Nội dung/hình thức:
- + Viết lại câu: 05 câu

Điểm 10/200

+ Viết văn bản (thư điện tử/thư cá nhân/lời nhắn/ghi chú/bưu thiếp...) theo các gợi ý cho sẵn trong khoảng 80 - 100 từ. Trong văn bản, thí sinh cần thể hiện được các chức năng ngôn ngữ quen thuộc trong các tình huống và chủ đề cá nhân: cảm ơn, xin lỗi, đưa ra lời mời, hẹn hò, sắp xếp cuộc gặp...

Điểm: 20/200

+ Bảng A: Viết một bài luận tối thiểu 350 từ (giải thích, tranh luận, bình luận về một chủ đề). Bài viết phải có bố cục tốt, chuyển ý hoặc chuyển đoạn uyển chuyển, vốn từ phong phú và sử dụng từ linh hoạt, diễn đạt lưu loát.. Thí sinh cần sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận đưa ra trong bài viết.

Bảng B: Viết văn bản (đoạn văn miêu tả hoặc một câu chuyện ngắn) theo các gợi ý sẵn (tiêu đề, câu mở đầu hoặc câu kết) trong khoảng 100 đến 120 từ. Trong văn bản, thí sinh cần thể hiện các chức năng ngôn ngữ như: mô tả vật, người, nơi chốn, kể về các sự kiện, trải nghiệm, cảm xúc của bản thân.

Điểm: 30/200

Tổng số điểm: 60/200

Điểm toàn bài: 200

6. Môn Tiếng Pháp

6.1. Phần 1: Nghe hiểu (20,0 điểm)

Gồm 2 bài với các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn QCM hoặc VRAI ou FAUX. Trình độ B1 JUNIOR.

- Giọng đọc: ưu tiên bản ngữ tiếng Pháp.
- Tốc độ đọc/nói: tự nhiên.

6.2. Phần 2: Đọc hiểu (30,0 điểm)

Đọc hiểu 1: Bài điền từ (10 từ)

Đọc hiểu 2: Đọc và trả lời câu hỏi bài khóa có độ dài 400 - 450 từ. Trình độ B1.

- Câu 1 → câu 4: trắc nghiệm nhiều lựa chọn.
- Câu 5 → câu 10: trả lời câu hỏi tự luận.

Các chủ đề: *Giới trẻ với an toàn giao thông, giới trẻ với thuốc lá, bia rượu, média, môi trường, thể thao, định hướng nghề nghiệp, văn hóa đọc sách, gia đình, giáo dục.*

6.3. Phần 3: Kiến thức ngôn ngữ, trình độ trung cấp và cao cấp (30,0 điểm)

Gồm 8 nội dung chính:

- Nội dung 1: Từ cùng nghĩa, trái nghĩa;
- Nội dung 2: Chia động từ (présent, futur simple, imparfait, passé composé, subjonctif);
- Nội dung 3: Chuyển đổi câu chủ động → bị động và ngược lại;

- Nội dung 4: Chuyển đổi câu trực tiếp, gián tiếp;
- Nội dung 5: Chuyển đổi câu động từ sang câu danh từ và ngược lại;
- Nội dung 6: Trả lời câu hỏi ở dạng phủ định;
- Nội dung 7: Các ngữ chỉ thời gian, nguyên nhân, mục đích...;
- Nội dung 8: Các câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (giới từ, động từ, tính từ, danh từ,...).

6.4. Phần diễn đạt viết (20,0 điểm)

Viết một văn bản nghị luận (texte argumentatif) về các chủ đề nêu ra ở phần đọc hiểu ở trên với độ dài từ 200 đến 250 từ.

Tổng điểm toàn bài: 100 điểm

7. Môn Tiếng Nga

7.1. Phần nghe (3,0 điểm)

Gồm 1 bài hội thoại và 1 bài nghe:

a. Bài hội thoại: Nghe và điền từ còn thiếu vào chỗ trống. (1,0 điểm)

b. Bài đọc thoại: (2,0 điểm)

- Nghe và chọn phương án đúng theo nội dung bài khóa;
- Trả lời câu hỏi theo nội dung bài khóa.

7.2. Phần từ vựng và ngữ pháp (9,0 điểm)

a. Chọn phương án đúng: 15 câu. Trong đó: (3,0 điểm)

- Danh từ 3 câu;
- Đại từ 3 câu;
- Tính từ 3 câu;
- Động từ (thể động từ, tính động từ, trạng động từ,...) 3 câu;

Các loại từ khác 3 câu;

b. Từ cùng gốc: 10 câu (chia đều cho các loại từ như ở phần a) (2,0 điểm)

c. Tìm từ đồng nghĩa: 5 câu, đối nghĩa: 5 câu (2,0 điểm)

d. Tìm và sửa lỗi sai: (chia đều cho các loại từ như ở phần a) (2,0 điểm)

7.3. Phần đọc hiểu (2,0 điểm)

Gồm 1 bài khóa khoảng 200 - 250 từ. 5 câu hỏi theo nội dung bài khóa.

7.4. Phần viết (6,0 điểm)

a. Dùng từ gợi ý viết thành câu hoàn chỉnh: 10 câu (2,0 điểm)

b. Viết lại câu: 10 câu (2,0 điểm)

c. Viết một bài viết khoảng 200 từ theo chủ đề cho sẵn. (2,0 điểm)

8. Môn Toán

Đề thi gồm 5 câu hỏi về các nội dung: Đại số - Giải tích, Hình học.

8.1. Đại Số - Giải tích: (12,0 - 14,0 điểm)

- Phương trình, phương trình lượng giác, hệ phương trình (6,0 - 7,0 điểm).
- Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân. (2,0 - 3,0 điểm).
- Tổ hợp; xác suất; công thức nhị thức Niu ton; Bất đẳng thức, giá trị nhỏ nhất, lớn nhất (3,0 - 5,0 điểm).

8.2. Hình học (6,0 - 8,0 điểm)

- Hình học không gian (3,0 - 5,0 điểm)
- Hình học giải tích (2,0 - 5,0 điểm)

Chương trình:

- Đại số - Giải tích lớp 11 hết phần *Giới hạn của dãy số*;
- Hình học lớp 11 hết phần *Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng*.

9. Môn Vật lí

- Nội dung đề thi thuộc chương trình lớp 11: Từ đầu chương trình đến hết chương V (Cảm ứng điện từ). Chiếm 70% đến 80% số điểm toàn bài.

Trong đó: Chương Điện tích và điện trường chiếm 20% đến 25%; Các chương Dòng điện không đổi và Dòng điện trong các môi trường chiếm 30% đến 45%; các chương Từ trường và Cảm ứng điện từ chiếm 25% đến 40% tổng số điểm.

- Nội dung đề thi thuộc chương trình lớp 10 (Phần II. Nhiệt học, cuối chương trình Học kỳ 2): Chiếm 20% đến 25% số điểm.

- Khuyến khích việc có sử dụng các bài tập dùng kiến thức Vật lý để giải quyết các vấn đề thực tế; các nội dung liên quan đến hiểu biết về thí nghiệm.

10. Môn Hóa học

- Cấu tạo nguyên tử, bảng HTTH, liên kết hóa học, phản ứng oxi hóa khử: 1 câu (3,0 điểm)

- Phi kim và các hợp chất: 1 câu (3,0 điểm)
- Tốc độ phản ứng, chuyển dịch cân bằng, sự điện ly: 2 câu (4,0 điểm)
- Axit và các chất: 1 câu (4,0 điểm)
- Hóa hữu cơ đến hết chương hidrocarbon không no: 1 câu (3,0 điểm)
- Thí nghiệm - thực tiễn: 1 câu (3,0 điểm).

11. Môn Sinh học

- Thành phần hóa học của tế bào (Phần 2, chương 1, SH 10): 3,0 điểm; 1 câu.
- Phân bào (Phần 2, chương 4, SH 10): 3,0 điểm; 1 câu.
- Chuyển hóa vật chất và năng lượng (Chương 1, SH 11): 12,0 điểm; 3 câu.
- Cảm ứng ở thực vật (Phần A, Chương 2, SH 11): 2,0 điểm; 1 câu.

12. Môn Tin học

Đề thi chọn học sinh giỏi môn Tin học được ra dưới dạng lập trình bằng ngôn ngữ Pascal, C/C++ (trên DevC++, Code Block) để giải các bài toán. Đề thi gồm có 04 câu, tổng 20,0 điểm được phân bố như sau:

Câu 1. (6,0 điểm)

Kiểm tra các kỹ năng cơ bản về lập trình, hiểu biết các câu lệnh của ngôn ngữ lập trình để giải quyết bài toán.

Câu 2. (5,0 điểm)

Kiểm tra các kỹ năng cơ bản về lập trình, hiểu biết về cấu trúc dữ liệu trong ngôn ngữ lập trình, giải quyết bài toán không đòi hỏi các giải thuật đặc biệt.

Câu 3. (5,0 điểm)

Áp dụng các thuật toán cơ bản như sắp xếp, tìm kiếm hoặc bài toán không đòi hỏi các thuật toán đặc biệt nhưng phải lập trình phức tạp hơn câu 1, câu 2.

Câu 4. (4,0 điểm)

Các thuật toán cơ bản (ví dụ như sắp xếp, tìm kiếm, đệ quy, quay lui, phương pháp quy hoạch động...) nhưng phải tổ chức dữ liệu một cách hợp lý để đảm bảo thời gian.

Chú ý:

Bài thi được chấm bằng các test (dữ liệu vào, ra trên tệp text), có so sánh thời gian chạy chương trình của các thí sinh để đánh giá và không xem xét văn bản chương trình để cho điểm.

Quy định này là căn cứ để biên soạn đề thi chọn học sinh giỏi tỉnh các môn lớp 11 năm học 2018 - 2019.

Nhận được Công văn này yêu cầu hiệu trưởng các trường THPT nghiêm túc triển khai thực hiện. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Phòng GDTrH, KT&KĐCLGD (thực hiện);
- Lưu: VT. 



**K.T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Khoa